

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 26/2020/HS-ST
Ngày 27-4-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Thẩm phán: Bà Lê Thị Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tề Thị Thanh, ông Bùi Thế Hòa, ông Võ Quang Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thông, Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2020/HS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN T (Tên gọi khác: Đ)**; sinh năm 1980, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị M, bị cáo có vợ thứ nhất là Phan Thị Đ (Đã ly hôn); vợ thứ hai Nguyễn Thị Thu N, có 01 con sinh năm 2009. Tiền sự: Không;

Tiền án: Tại bản án số 41/2012/HSST ngày 06/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tại Bản án phúc thẩm số 356/2012/HSPT ngày 24/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/02/2016. Khoảng cuối năm 2016, bị cáo thừa nhận đã có hành vi mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng.

Nhân thân:

- Tại tại Bản án số 352/2001/HSST ngày 23/10/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án phúc thẩm số 369/2002/HSPT ngày 27/5/2002 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp hành xong hình phạt tù năm 2004.

- Tại bản án số 13/2007/HSST ngày 03/4/2007, bị Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt tù năm 2009.

- Tại bản án số 41/2012/HSST ngày 06/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tại Bản án phúc thẩm số 356/2012/HSPT ngày 24/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/02/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/7/2019 đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN B**, sinh năm 1977, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn L (Đã chết) và bà Lê Thị V, vợ Nguyễn Thị N và có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Tại bản án số 03/2003/HSST ngày 15/01/2003, bị Toà án nhân dân huyện Krông Búk xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/01/2003.

- Tại bản án số 47/2004/HSST ngày 19/10/2004, bị Toà án nhân dân huyện Krông Búk xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/10/2005.

- Tại bản án số 50/2006/HSST ngày 08/9/2006, bị Toà án nhân dân huyện Krông Búk xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/12/2008.

- Tại bản án số 59/2011/HSST ngày 27/10/2011, bị Toà án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh B Định xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tại Bản án phúc thẩm số 12/2012/HSPT ngày 13/02/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/9/2015.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/7/2019 đến nay, có mặt.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T*: Ông Phạm Ngọc T1 – Văn phòng Luật sư TN, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Người bị hại*: Chị Nguyễn Nữ Mạnh H, sinh năm 1981; địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Ông Nguyễn Mai H – Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 11 LĐ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956; địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1950; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1950; vắng mặt.
3. Bà Lê Thị M, sinh năm 1958; vắng mặt.
4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
5. Bà Nguyễn Thị Phùng, sinh năm: 1958; địa chỉ: Tổ 6, khu phố 4, phường A, thành phố B, tỉnh Đ; vắng mặt.
6. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; vắng mặt.
7. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.
8. Ông Phan Đức T, sinh năm 1962; vắng mặt.
9. Ông Lương Văn B, sinh năm 1957; vắng mặt.
10. Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1973; vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn 9, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
11. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1942; địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
12. Ông Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1988; địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
13. Ông Lê Quang Trinh, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
14. Anh Trần Duy P, sinh năm 1992; địa chỉ: TDP 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.
15. Bà Phan Thị Hồng C, sinh năm 1975; địa chỉ: 58/26A đường số 9, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2016 (*không xác định cụ thể thời gian*), Nguyễn Văn T đến biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc huyện Đ, tỉnh Đắk Nông mua 01 khẩu súng AK dài 73cm, báng súng bằng gỗ, hộp tiếp đạn dài 22,5cm, rộng 6cm, dày 2,5cm hình cung kèm theo 27 viên đạn của một người Campuchia, với số tiền 12.500.000 đồng và mang về nhà tại Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để cất giấu. Năm 2016, Nguyễn Văn T có mối quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Nữ Mạnh H. Trong quá trình chung sống thì T và chị H xảy ra mâu thuẫn với nhau trong chuyện tình cảm nên vào khoảng 16 giờ ngày 21/7/2019, T một mình điều khiển xe mô tô biển số 47T1- 055.30 mang theo khẩu súng AK nêu trên đến nhà chị H để nói chuyện. Khi đến nhà chị H, T dựng xe mô tô ngoài sân rồi vào phòng khách đợi chị H để nói chuyện. Lúc này, có bà Lê Thị H1 là mẹ ruột của chị H cũng có mặt tại đây, bà Lê Thị H1 có nói với T là tránh xa chị H và đuổi T về.

Lúc này, chị H nói bà H1 đi về để chị H giải quyết chuyện riêng. Sau đó, bà H1 đi về nhà, cách nhà chị H khoảng 20m. Còn T với chị H nói chuyện với nhau, chị H thấy mâu thuẫn không giải quyết được nên bỏ đi ra ngoài để sang nhà bà H1. Thấy vậy, T đi đến xe mô tô, mở cốp xe lấy khẩu súng và hộp tiếp đạn có sẵn 27 viên đạn, lắp hộp tiếp đạn vào súng rồi chạy đuổi theo chị H. Khi đuổi cách chị H khoảng 10m, T giương súng nhắm thẳng vào người của chị H rồi bóp cò bắn 01 phát trúng vào phía sau cổ của chị H; bị trúng đạn thì chị H ngã sấp mặt xuống lề đường tại khu vực cổng của nhà bà H1. Thấy chị H bị trúng đạn ngã xuống thì T ngồi xuống để nòng súng vào cằm, báng súng kê lên nền đất làm điểm tựa rồi dùng tay bóp cò nhằm mục đích bắn vào vùng dưới cằm để tự sát, súng nổ đạn xuyên qua hàm làm T bị ngã xuống đường. Sau đó, chị H và T được đưa đến Bệnh viện đa khoa vùng TN rồi Bệnh viện CR thành phố Hồ Chí Minh để cấp cứu và điều trị. Ngày 24/7/2019, Nguyễn Văn T được chuyển đến bệnh viện Răng hàm mặt Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 7 giờ 50 phút cùng ngày, T dẫn theo con trai là Nguyễn Nhất Duy V bỏ trốn khỏi bệnh viện. Sau khi bỏ trốn, T đón xe ôm đi đến quán cà phê A, địa chỉ: 11/11 N, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương do chị Phan Thị Hồng C làm chủ, để gặp 03 người đàn ông (chưa xác định được nhân thân). Đến khoảng 19 giờ cùng ngày 25/7/2019, có 01 người đàn ông (chưa xác định được nhân thân) chạy xe mô tô chở T và cháu Nguyễn Nhất Duy V đến nhà bà Nguyễn Thị P là dì họ để gửi cháu V tại đây. Sau đó, trong đêm ngày 25/7/2019 và ngày 26/7/2019, Nguyễn Văn T quay lại tỉnh Bình Dương đến khu vực xóm Nghèo thuộc thị xã D, tỉnh Bình Dương gặp và nhờ bạn tên là Tr và Đ (hiện không xác định rõ nhân thân) đón xe Taxi đi ra miền Bắc để trốn. Ngày 27/7/2019, khi đang đi trên xe Taxi bỏ trốn, T liên lạc bằng điện thoại với Nguyễn Văn B và hẹn gặp nhau tại Trạm thu phí cầu B thuộc thị xã A, tỉnh Bình Định để T nhờ B đưa đi trốn và điều trị thương tích ở miền Bắc.

Đối với Nguyễn Văn B, biết rõ sự việc Nguyễn Văn T dùng súng bắn chị H và sau đó dùng súng tự sát nhưng không chết, vào ngày 25/7/2019 khi B đang ở nhà ông Nguyễn Văn Đ (bố T) thì biết được tin T đã bỏ trốn khỏi bệnh viện. Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 27/7/2019, Nguyễn Văn B nhận được tờ giấy có ghi số điện thoại do cháu bé khoảng 8 tuổi hàng xóm quen mặt nhưng không biết con của ai đưa cho B, trên tờ giấy có ghi số điện thoại và nói B gọi lại gấp. Khi B gọi vào số điện thoại ghi trên tờ giấy thì nghe tiếng T nói: *“mày thăm tao không thì xuống Bình Định”*. Khi nghe xong dù biết T là đối tượng có Quyết định truy nã về hành vi Giết người nhưng Nguyễn Văn B không nói với ai và cũng không báo cho cơ quan chức năng mà đón xe khách đến tỉnh Bình Định để gặp T. Đến khoảng 20 giờ ngày 27/7/2019, B đến điểm hẹn là khu đất trống tại Trạm Thu phí gần cầu B, tỉnh Bình Định. Đợi khoảng 15 phút thì thấy T đi xe Taxi loại 4 chỗ đến và gọi B vào ngồi băng ghế sau xe cùng với T. Khi gặp nhau, B hỏi T sao không ở thành phố Hồ Chí Minh để điều trị mà ra đây thì T trả lời là: *“tao trốn, mày đi ra Bắc với tao để giúp tao trốn và điều trị thương tích không”*. Nghe xong, thì B đồng ý và cùng đi miền Bắc cùng với T. Khoảng 4h30 phút ngày 28/7/2019, khi T và B đến địa phận thuộc xã H, huyện H, thành phố Đ thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Tại Kết luận giám định số: 3583/C09B ngày 20/8/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *Khẩu súng gửi giám định là vũ khí quân dụng; Sử dụng khẩu súng nêu trên bắn vào cơ thể người gây sát thương; 02 vỏ đạn gửi giám định được bắn ra từ khẩu súng nêu trên; 01 viên đạn và 02 vỏ đạn gửi giám định thuộc cùng một loại đạn cỡ (7,62x39) mm.*

Tại Kết luận giám định số 3667/C09B ngày 09/8/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *Số súng nguyên thủy của khẩu súng gửi giám định: ...7053305 (... các ký tự không xác định được).*

Tại Kết luận giám định số: 965/TgT-TTPY ngày 12/8/2019 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Đắk Lắk kết luận: Sức khỏe bị giảm do thương tích gây nên của chị Nguyễn Nữ Mạnh H hiện tại là: 63%; Vật tác động: Các vết thương vùng cổ, tổn thương tủy cổ: Do hỏa khí và chấn thương sọ não, vết thương, chấn thương hàm mặt: Do vật tày; Cơ chế hình thành vết thương: Các vết thương vùng cổ, tổn thương tủy cổ: Do hỏa khí tác động trực tiếp (*Lỗ vào: Vùng cổ bên trái; Lỗ ra: Vùng cổ bên phải, Rãnh xuyên: Hướng từ trái sang phải, Hướng bắn: Từ sau ra trước, từ trái qua phải, Tầm bắn: Không đủ yếu tố để xác định tầm bắn*) và chấn thương sọ não, vết thương, chấn thương hàm mặt là do tác động trực tiếp của vật tày hướng từ trước ra sau, từ dưới lên trên.

Bản cáo trạng số 13/CT-VKS-P2 ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Giết người” và tội “Mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn B về tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Người bị hại và những người tham gia tố tụng khác có mặt cũng khai nhận nội dung sự việc phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người” và tội “Mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 20 năm tù về tội “Giết người”

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 05 đến 06 năm tù về tội “Mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành 25 năm đến 26 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Che giấu tội phạm”

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường toàn bộ chi phí cứu chữa và các chi phí hợp lý khác cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

Xử lý vật chứng:

+ *Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu giao Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk xử lý theo quy định pháp luật đối với:*

- 01 khẩu súng quân dụng (dạng AK), số súng ... 7053305 (... các ký tự không xác định được), dài 73cm, báng súng bằng gỗ dài 10cm, báng súng nơi rộng nhất 05cm, có hộp tiếp đạn;

- 14 viên đạn màu vàng đồng, dài 51mm (đã bắn thực nghiệm 10 viên) còn lại sau giám định;

- 02 vỏ đạn màu vàng đồng, dài 38mm, đường kính lớn nhất 11mm, đít đạn có ký hiệu 539 - 89, đít đạn đã bị điểm hỏa;

- 01 viên đạn màu vàng đồng, dài 51mm, đường kính lớn nhất 11mm, đít đạn có ký hiệu 539 - 89 (ghi thu tại hiện trường).

+ *Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng bao gồm:*

- 01 con dao dài 42cm, cán bằng gỗ dài 15cm, lưỡi dao nhọn một mặt cắt dài 27cm, bản dao nơi rộng nhất 4,1cm;

- 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 43cm, cán dao dài 24cm, lưỡi nhọn một mặt cắt, bản dao nơi rộng nhất là 3,5cm;

- 01 cây rựa dài 91cm, cán dài 66,5cm, mũi bằng, có một mặt cắt, bản rựa nơi rộng nhất là 5,9cm;

- 01 cây rựa dài 71cm, cán dài 44,5cm, mũi cong, có một mặt cắt, bản rựa nơi rộng nhất là 3,5cm;

- 01 Bình thủy tinh (bị vỡ), có 02 ống dẫn ra ngoài bằng thủy tinh, 01 ống dẫn dài 38cm, 01 ống dẫn dài 10cm và 01 B thủy tinh, dài 13cm, có đường kính to nhất 05cm, nhỏ nhất 2,5cm;

- 01 mũ cối màu xanh lá, kích thước 31cm x 26,5cm, đường kính lòng mũ 18cm, vành rộng 6cm, trên mũ có miếng kim loại hình tròn đường kính 3cm, trên có in nổi hình ngôi sao 5 cánh và bông lúa màu vàng, nền đỏ.

+ *Cần tịch thu xung công quỹ:*

- 01 Điện thoại di động hiệu Nokia 1202-2 màu xanh xám, số Imei: 351976/04/896594/7. Sim điện thoại có số 8984048000054125588

- 01 Điện thoại di động Masstel số Imei 353872080740694

Đây là phương tiện các bị cáo sử dụng liên lạc để bỏ trốn nên tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

+ *Cần tuyên trả đối với:*

- 01 Điện thoại di động cảm ứng màu hồng số Imei 356714086162514, sim điện thoại số 898402000-10918414442. Quá trình điều tra xác định, bị cáo B không sử dụng chiếc điện thoại này vào việc liên lạc với bị cáo T để bỏ trốn, nên cần trả lại cho bị cáo B.

- 01 xe mô tô, màu đỏ đen, biển số 47T1- 055.30, nhãn hiệu Honda (số loại: Air Blade; số khung 4605DY214118; số máy JF46E4030182); 01 Giấy chứng nhận đăng ký số 006411 và có 01 chìa khóa. Quá trình điều tra xác định xe thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Đ (là bố của T). Vào ngày 21/7/2019, khi ông Đ dựng xe mô tô ngoài sân thì T lấy xe đi và thực hiện hành vi phạm tội ông Đ không biết, do đó trả lại chiếc xe mô tô biển số 47T1- 055.30 cho ông Đ nhận quản lý sử dụng

Bị cáo Nguyễn Văn T không đồng ý với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo cho rằng phải truy tố bị cáo với tình tiết là giết nhiều người vì bị cáo giết bị hại và tự giết bị cáo. Do đó, đề nghị mức hình phạt tử hình đối với bị cáo mới phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Văn B biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, vì T là bạn của bị cáo.

Người bị hại không có ý kiến tranh luận gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, luật sư được chỉ định bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho Luật sư không tham gia bào chữa cho bị cáo với lý do bị cáo không yêu cầu luật sư bào chữa. Bị cáo

T xác nhận hành vi của bị cáo rõ ràng, bị cáo không yêu cầu luật sư bào chữa, cũng xin từ chối việc cơ quan tiến hành tố tụng cử luật sư khác bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có ý kiến gì, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Xét thấy bị cáo T bị truy tố, xét xử về tội danh có mức hình phạt đến tử hình. Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về việc cử người bào chữa. Tại phiên tòa, bị cáo xin từ chối người bào chữa là tự nguyện. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 76; Điều 77 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận yêu cầu từ chối luật sư của bị cáo.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng cuối năm 2016, bị cáo T có hành vi mua bán, tàng trữ, sử dụng 01 khẩu súng AK kèm theo 27 viên đạn của một người Campuchia (không rõ lai lịch) mang về nhà cất giấu. Ngày 21/7/2019, do mâu thuẫn trong quan hệ tình cảm nên bị cáo T dùng khẩu súng AK bắn 01 phát trúng vào phía sau cổ của chị H. Trong khi đang điều trị tại bệnh viện Răng hàm mặt Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh, T bỏ trốn và liên lạc với bị cáo Nguyễn Văn B nhờ B đưa đi trốn ra miền Bắc. Mặc dù, biết rõ T có hành vi dùng súng bắn chị H và đang bị truy nã nhưng B vẫn giúp T bỏ trốn. Hành vi phạm tội của bị cáo T đã phạm vào tội “Giết người” và tội “Mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn B đã phạm vào tội “Che giấu tội phạm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự.

“Điều 123. Tội giết người

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

...

n) Có tính chất côn đồ;

Điều 304. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự

1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.

Điều 389. Tội che giấu tội phạm

1. Người nào không hứa hẹn trước mà che giấu một trong các tội phạm quy định tại các điều sau đây của Bộ luật này, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm:

...

b) Điều 123 (tội giết người) ”

[4] Xét tính chất, vụ án do bị cáo T gây ra, thấy rằng: Bị cáo là người có đủ nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ việc mua bán, tàng trữ, sử dụng súng (thuộc danh mục vũ khí quân dụng) là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm các chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý vũ khí quân dụng, đe dọa đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Ngoài ra, giữa bị cáo T và chị H đã từng có quan hệ tình cảm (Sống chung như vợ chồng), do mâu thuẫn trong tình cảm với chị H nên bị cáo đã có hành vi dùng súng bắn vào người chị H. Đây là hành vi đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo ý thức được hành vi dùng súng bắn thẳng vào người khác ở cự ly gần là rất nguy hiểm, gây chết người, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Việc chị H không chết mà bị tổn hại 63% sức khỏe là nằm ngoài ý muốn của bị cáo và do được cứu chữa kịp thời. Hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ, chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong chuyện tình cảm mà bị cáo đã dùng súng bắn 01 phát trúng vào phía sau cổ của chị H. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Bản cáo trạng của VKSND tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo về tội “Mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của BLHS và tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của BLHS là có căn cứ, bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét bị cáo Nguyễn Văn B là người có đầy đủ khả năng và nhận thức, biết rõ bị cáo T là người đã dùng súng bắn chị H, biết bị cáo T đang bị cơ quan tiến hành tố tụng truy nã về hành vi Giết người, khi biết bị cáo T đang bỏ trốn ở Bình Định đã không báo cho cơ quan chức năng mà đồng ý giúp T bỏ trốn ra miền Bắc. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trật tự an toàn xã hội và xâm phạm đến hoạt động của cơ quan pháp luật trong quá trình điều tra, xử lý tội phạm và người phạm tội. Do đó, bản Cáo trạng của VKSND tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo về tội “Che dấu tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 389 của BLHS là có căn cứ, bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Bị cáo Nguyễn Văn T.

- Tại tại Bản án số 352/2001/HSST ngày 23/10/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án phúc thẩm số 369/2002/HSPT ngày 27/5/2002 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp hành xong hình phạt tù năm 2004.

- Tại bản án số 13/2007/HSST ngày 03/4/2007, bị Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt tù năm 2009.

- Tại bản án số 41/2012/HSST ngày 06/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tại Bản án phúc thẩm số 356/2012/HSPT ngày 24/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/02/2016.

[6.2] Bị cáo Nguyễn Văn B

- Tại bản án số 03/2003/HSST ngày 15/01/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/01/2003.

- Tại bản án số 47/2004/HSST ngày 19/10/2004, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/10/2005.

- Tại bản án số 50/2006/HSST ngày 08/9/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/12/2008.

- Tại bản án số 59/2011/HSST ngày 27/10/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tại Bản án phúc thẩm số 12/2012/HSPT ngày 13/02/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/9/2015.

[6.3] Tình tiết tăng nặng:

[6.3.1] Bị cáo Nguyễn Văn T. Tại bản án số 41/2012/HSST ngày 06/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tại Bản án phúc thẩm số 356/2012/HSPT ngày 24/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên bản án sơ thẩm, ngày 13/02/2016 chấp hành xong hình phạt tù thì đến khoảng cuối năm 2016 bị cáo có hành vi mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng nên thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

[6.3.2] Nguyễn Văn B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6.4] Tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thật thà khai báo hành vi phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T được người bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, người bị hại chị H không chết mà bị tổn hại 63% sức khỏe là ngoài mong muốn của bị cáo do được cứu chữa kịp thời. Do đó, cần áp dụng quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 15 và

khoản 3 Điều 57 của BLHS xử phạt không quá 20 năm tù cho bị cáo đối với tội Giết người nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội.

[6.5] Xét đề nghị của bị cáo T cho rằng việc truy tố, xét xử bị cáo về tội Giết người là không đúng, bị cáo phải bị xét xử về tội Giết người với tình tiết giết nhiều người. Thấy rằng: Mặt khách quan của tội phạm Giết người là hành vi cố ý tước đoạt tính mạng của người khác. Do đó, bị cáo T sau khi dùng súng bắn chị H, sau đó dùng súng tự bắn vào chính mình không thỏa mãn mặt khách quan của tội phạm. Do đó, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo T phải bồi thường tổng số tiền 104.500.000 đồng. Trong đó, chi phí thuốc men điều trị 20.000.000đ, tiền thuê xe cấp cứu chuyển viện từ Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên đến bệnh viện Chợ Rẫy 3.500.000đ, lượt xe về 7.000.000đ, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 20.000.000đ, thu nhập bị mất của người bị hại 12.000.000 đồng, thu nhập bị mất của người chăm sóc 12.000.000 đồng và tiền bồi thường tổn thất tinh thần 30.000.000đ đồng. Tại phiên tòa, bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yêu cầu bồi thường của người bị hại theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng: Thương tích 63% sức khỏe của chị H là do hành vi trái pháp luật của bị cáo T gây ra, lỗi hoàn toàn thuộc bị cáo. Do đó, bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chị H.

Xét các yêu cầu: Bồi thường ngày công lao động bị mất cho người bị hại và người chăm sóc trong thời gian 60 ngày x 200.000đ/1 ngày/1 người = 24.000.000đ; bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe 20.000.000 đồng; tổn thất tinh thần 30.000.000đ. Đây là những thiệt hại thực tế nên cần buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ là phù hợp với quy định tại các Điều 584; 585; 586; 589 và Điều 590 của Bộ luật dân sự; phù hợp với Kết luận giám định số: 965/TgT-TTPY ngày 12/8/2019 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Đắk Lắk; phù hợp với hồ sơ bệnh án của bị hại, các hóa đơn, chứng từ và phù hợp với ngày công lao động phổ thông B quân tại địa phương.

Xét yêu cầu bồi thường 20.000.000đ chi phí thuốc men điều trị, tiền thuê xe cấp cứu chuyển viện từ Bệnh viện Đa khoa vùng TN đến bệnh viện CR 3.500.000đ, lượt xe về 7.000.000đ. Thấy rằng, các hóa đơn, chứng từ về viện phí, thuốc men điều trị tổng 5.808.000đ. Tại thông báo số 169/2020/TB-TA ngày 23/3/2020 TAND tỉnh Đắk Lắk đã tổng đạt cho chị H có nghĩa vụ cung cấp hóa đơn chứng từ để chứng minh cho yêu cầu của mình, hết thời hạn chị H không cung cấp. Do đó, cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại chi phí thuốc men, điều trị là 5.808.000đ.

Xét yêu cầu bồi thường tiền xe đi về từ bệnh viện vùng TN đến bệnh viện CR và ngược lại với tổng số tiền 10.500.000đ, thấy rằng: tại giấy biên nhận ngày 22/7/2014, chi phí đi từ Đắk Lắk đến Tp. Hồ Chí Minh là 3.500.000 đồng, tuy nhiên cũng quãng đường ngược lại từ Tp. Hồ Chí Minh về Đắk Lắk là 7.000.000đ

là không phù hợp với thực tế. Do đó, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại chi phí đi lại là 7.000.000đ

Từ nhận định trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu của người bị hại, cần buộc bị cáo T phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị H tổng số tiền **86.808.000đ**.

Bác một phần yêu cầu của người bị hại về việc yêu cầu bị cáo T phải bồi thường đối với số tiền 17.692.000đ.

Áp dụng Điều 357 của BLDS để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Cần tịch thu giao Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk quản lý theo quy định về vũ khí quân dụng gồm:

- 01 khẩu súng quân dụng (dạng AK), số súng ... 7053305 (... các ký tự không xác định được), dài 73cm, báng súng bằng gỗ dài 10cm, báng súng nơi rộng nhất 05cm, có hộp tiếp đạn;

- 14 viên đạn màu vàng đồng, dài 51mm (đã bắn thực nghiệm 10 viên) còn lại sau giám định;

- 02 vỏ đạn màu vàng đồng, dài 38mm, đường kính lớn nhất 11mm, đít đạn có ký hiệu 539 - 89, đít đạn đã bị điểm hỏa;

- 01 viên đạn màu vàng đồng, dài 51mm, đường kính lớn nhất 11mm, đít đạn có ký hiệu 539 - 89 (ghi thu tại hiện trường).

[8.2] Cần tịch thu tiêu hủy những vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng bao gồm:

- 01 con dao dài 42cm, cán bằng gỗ dài 15cm, lưỡi dao nhọn một mặt cắt dài 27cm, bản dao nơi rộng nhất 4,1cm;

- 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 43cm, cán dao dài 24cm, lưỡi nhọn một mặt cắt, bản dao nơi rộng nhất là 3,5cm;

- 01 cây rựa dài 91cm, cán dài 66,5cm, mũi bằng, có một mặt cắt, bản rựa nơi rộng nhất là 5,9cm;

- 01 cây rựa dài 71cm, cán dài 44,5cm, mũi cong, có một mặt cắt, bản rựa nơi rộng nhất là 3,5cm;

- 01 Bình thủy tinh (bị vỡ), có 02 ống dẫn ra ngoài bằng thủy tinh, 01 ống dẫn dài 38cm, 01 ống dẫn dài 10cm và 01 B thủy tinh, dài 13cm, có đường kính to nhất 05cm, nhỏ nhất 2,5cm;

- 01 mũ cối màu xanh lá, kích thước 31cm x 26,5cm, đường kính lòng mũ 18cm, vành rộng 6cm, trên mũ có miếng kim loại hình tròn đường kính 3cm, trên có in nổi hình ngôi sao 5 cánh và bông lúa màu vàng, nền đỏ.

[8.3] Cần tịch thu xung công quỹ Nhà nước gồm:

- 01 Điện thoại di động hiệu Nokia 1202-2 màu xanh xám, số Imei: 351976/04/896594/7. Sim điện thoại có số 8984048000054125588 của bị cáo Nguyễn Văn B

- 01 Điện thoại di động Masstel số Imei 353872080740694 của bị cáo Nguyễn Văn T

[8.4] Cần tuyên trả cho bị cáo B chiếc 01 Điện thoại di động cảm ứng màu hồng số Imei 356714086162514, sim điện thoại số 898402000-10918414442. Quá trình điều tra xác định, bị cáo B không sử dụng chiếc điện thoại này vào việc liên lạc với bị cáo T để bỏ trốn, nên trả lại cho bị cáo B.

+ Cần tuyên trả cho ông Nguyễn Văn Đ là chủ sở hữu chiếc xe mô tô, màu đỏ đen, biển số 47T1- 055.30, nhãn hiệu Honda (số loại: Air Blade; số khung 4605DY214118; số máy JF46E4030182); 01 Giấy chứng nhận đăng ký số 006411 và có 01 chìa khóa. Quá trình điều tra xác định xe thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Đ (là bố của T). Vào ngày 21/7/2019, khi ông Đ dựng xe mô tô ngoài sân thì T lấy xe đi và thực hiện hành vi phạm tội ông Đ không biết.

[9] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 4.340.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Trong vụ án:

Nguyễn Văn T khai mua khẩu súng quân dụng (dạng AK) và 27 viên đạn của một người nam giới ở khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia, thuộc huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nhưng không xác định được đối tượng bán súng cho T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với 03 người đàn ông (*chưa xác định được nhân thân*) mà T gặp tại quán cà phê A, địa chỉ: 11/11 N, phường A, thị xã D, tỉnh B Dương; 01 người đàn ông (*chưa xác định được nhân thân*) chạy xe mô tô chở T và cháu Nguyễn Nhất Duy V đến nhà bà Nguyễn Thị P là dì họ để gửi cháu V; 02 người bạn tên là Tr và Đ (*chưa xác định được nhân thân*) T gặp tại khu vực xóm Nghèo thuộc thị xã D, tỉnh Bình Dương đón xe Taxi cho T đi ra miền Bắc để trốn. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của những người này nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

[11] Năm 1998, Nguyễn Văn B bị cơ quan điều tra Công an huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk khởi tố về có hành vi cố ý gây thương tích xảy ra tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tại kết luận điều tra số 08 ngày 25/2/2000 của Công an huyện Krông Búk chuyển hồ sơ vụ án cho VKSND huyện Krông Búk giải quyết theo thẩm quyền; ngày 13/3/2000 VKSND huyện Krông Búk tiếp nhận hồ sơ vụ án. Tại biên bản xác minh lập ngày 08/01/2020 thể hiện hồ sơ vụ án chưa tìm thấy

kết quả giải quyết đối với hồ sơ. Do đó, cần kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý để làm căn cứ xác định tiền án, nhân thân, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo B

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người” và tội “Mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Che giấu tội phạm”.

[1.1] Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Giết người”

[1.2] Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (Bốn) năm tù về tội “Mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 24 (Hai mươi tư) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 28/7/2019.

[1.3] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Che giấu tội phạm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 28/7/2019.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 586; 589 và Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của người bị hại, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Nữ Mạnh H tổng số tiền **86.808.000 (Tám mươi sáu triệu tám trăm lẻ tám nghìn) đồng**.

Bác một phần yêu cầu của người bị hại về việc yêu cầu bị cáo T phải bồi thường đối với số tiền 17.692.000đ.

Áp dụng Điều 357 của BLDS để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và các điểm a,b,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

[3.1] *Tuyên tịch thu giao Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk xử lý theo quy định pháp luật đối với:*

- 01 khẩu súng quân dụng (dạng AK), số súng ... 7053305 (... các ký tự không xác định được), dài 73cm, báng súng bằng gỗ dài 10cm, báng súng nơi rộng nhất 05cm, có hộp tiếp đạn;

- 14 viên đạn màu vàng đồng, dài 51mm (đã bắn thực nghiệm 10 viên) còn lại sau giám định;

- 02 vỏ đạn màu vàng đồng, dài 38mm, đường kính lớn nhất 11mm, đít đạn có ký hiệu 539 - 89, đít đạn đã bị điểm hỏa;

- 01 viên đạn màu vàng đồng, dài 51mm, đường kính lớn nhất 11mm, đít đạn có ký hiệu 539 - 89 (ghi thu tại hiện trường).

[3.2] *Tuyên tịch thu tiêu hủy những vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng bao gồm:*

- 01 con dao dài 42cm, cán bằng gỗ dài 15cm, lưỡi dao nhọn một mặt cắt dài 27cm, bản dao nơi rộng nhất 4,1cm;

- 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 43cm, cán dao dài 24cm, lưỡi nhọn một mặt cắt, bản dao nơi rộng nhất là 3,5cm;

- 01 cây rựa dài 91cm, cán dài 66,5cm, mũi bằng, có một mặt cắt, bản rựa nơi rộng nhất là 5,9cm;

- 01 cây rựa dài 71cm, cán dài 44,5cm, mũi cong, có một mặt cắt, bản rựa nơi rộng nhất là 3,5cm;

- 01 Bình thủy tinh (bị vỡ), có 02 ống dẫn ra ngoài bằng thủy tinh, 01 ống dẫn dài 38cm, 01 ống dẫn dài 10cm và 01 B thủy tinh, dài 13cm, có đường kính to nhất 05cm, nhỏ nhất 2,5cm;

- 01 mũ cối màu xanh lá, kích thước 31cm x 26,5cm, đường kính lòng mũ 18cm, vành rộng 6cm, trên mũ có miếng kim loại hình tròn đường kính 3cm, trên có in nổi hình ngôi sao 5 cánh và bông lúa màu vàng, nền đỏ.

[3.3] *Tuyên tịch thu xung công quỹ Nhà nước:*

- 01 Điện thoại di động hiệu Nokia 1202-2 màu xanh xám, số Imei: 351976/04/896594/7. Sim điện thoại có số 8984048000054125588

- 01 Điện thoại di động Masstel số Imei 353872080740694

[3.4] Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B 01 Điện thoại di động cảm ứng màu hồng số Imei 356714086162514, sim điện thoại số 898402000-10918414442, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[3.5] Tuyên trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ chiếc xe mô tô, màu đỏ đen, biển số 47T1- 055.30, nhãn hiệu Honda (số loại: Air Blade; số khung 4605DY214118; số máy JF46E4030182); 01 Giấy chứng nhận đăng ký số 006411 và có 01 chìa khóa.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/01/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk)

[4] Về án phí: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 4.340.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Báo quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao;
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- T.H.A hình sự CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền